

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B10LV**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH02107**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Kỹ năng mềm**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ	
1	2253801011205	Đặng Văn Bé	Ba	30/04/1989			8	8	8.0					6.0		6.8
2	2253801011206	Lê Bình	Chiến	10/04/1990			8	7.5	7.5					7.0		7.3
3	2253801011207	Trần Ngọc	Diễn	17/01/1984			8	8	8.0					6.5		7.1
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng	Giang	12/12/1993			8	7	7.0					6.5		6.8
5	2253801011209	Trần Nhật	Hào	17/10/1999			8	5	5.0					7.0		6.5
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	12/03/1987			8	9	9.0					7.0		7.7
7	2253801011211	Trần Công	Hậu	19/01/1991			8	7	7.0					6.0		6.5
8	2253801011212	Nguyễn Văn	Hết	18/04/1979			8	7.5	7.5					6.5		7.0
9	2253801011213	Kha Văn	Hòa	08/04/1971			8	7	7.0					6.5		6.8
10	2253801011214	Mai Thanh	Hoàng	01/01/1982			8	8	8.0					8.5		8.3
11	2253801011215	Nguyễn Thị	Huệ	20/11/1992			8	8	8.0					7.0		7.4
12	2253801011217	Huỳnh Văn	Khải	02/08/1992			8	8.5	8.5					8.0		8.2
13	2253801011218	Trần Thị	Liên	23/04/1992			8	7	7.0					6.5		6.8
14	2253801011219	Phan Thị	Liễu	10/01/1984			8	8	8.0					8.0		8.0
15	2253801011220	Nguyễn Huy	Long	02/03/1988			8	9	9.0					9.0		8.9
16	2253801011221	Trần Văn	Ngà	30/04/1989			8	7	7.0					6.0		6.5
17	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	28/12/1993			8	8	8.0					7.5		7.7
18	2253801011225	Lê Văn	Quý	21/09/1974			8.5	7.5	7.5					7.0		7.3
19	2253801011226	Trần Hữu	Sang	19/01/1989			8.5	7	7.0					7.5		7.5

Châu Đốc, ngày 4 tháng 5 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Bền